TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 489/2017/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quận 6, ngày 21 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 449/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2017, giữa các đương sự;

Người yêu cầu:

1. Bà Nguyễn Quốc Anh N, sinh năm: 1986;

Thường trú: Số 158/18 đường số J, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 593A đường HL2, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Mai Minh T, sinh năm: 1984;

Cư trú: Số 158/18 đường số J, Phường M, Quận F, TP Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 13 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2017 là hoàn tòan tự nguyện không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Mai Minh T và bà Nguyễn Quốc Anh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mai Minh T và bà Nguyễn Quốc Anh N được ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 108/KH quyển số 01/2010 ngày 30/6/2010 do Ủy ban Nhân dân Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông T và bà N có một con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/9/2012; các bên thỏa thuận giao con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng), kể từ ngày 01/8/2017 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Bà N phải có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để ông T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Nợ chung các bên tự khai không có. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lệ phí: Ông T và bà N mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0027815 ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra ông T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 và Điều 26 Luật thi ành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- UBND P.13, Q 6, TP. HCM;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký và đóng dấu)

Phan Văn Hùng